

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án cải tạo,
nâng cấp hồ Ná Hiếng tại xã Thanh Quân, huyện Như Xuân,
tỉnh Thanh Hóa của UBND huyện Như Xuân.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật BVMT;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 05 năm 2019 của chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật bảo vệ môi trường và quy hoạch quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Quyết định số 4884/QĐ-UBND ngày 19/11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương dự án cải tạo, nâng cấp hồ Ná Hiếng xã Thanh Quân, huyện Như Xuân (Chương trình 30a);

Xét đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của dự án cải tạo, nâng cấp hồ Ná Hiếng, xã Thanh Quân, huyện Như Xuân tại báo cáo kết quả thẩm định ngày 24/9/2020; nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án nêu trên đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 43/CV-QLDANN ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng huyện Như Xuân - UBND huyện Như Xuân;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 964/Tr-STNMT ngày 28/9/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án cải tạo, nâng cấp hồ Ná Hiếng tại xã Thanh Quân, huyện Như Xuân của UBND huyện Như Xuân (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện trên địa bàn xã Thanh Quân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung chính tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật.
2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Như Xuân và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 QĐ;
- Bộ TN&MT (để báo cáo);
- Sở TN&MT (10 bản);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, Pg NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đức Quyền

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án: Cải tạo, nâng cấp hồ Ná Hiềng tại xã Thanh Quân, huyện Như
Xuân, tỉnh Thanh Hóa của UBND huyện Như Xuân.

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2020 của
Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Thông tin chung dự án:

Dự án: Cải tạo, nâng cấp hồ Ná Hiềng tại xã Thanh Quân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

- *Chủ dự án:* Ủy ban nhân dân huyện Như Xuân
- + Đại diện chủ dự án: Ban QLDA Đầu tư xây dựng huyện Như Xuân
- + Người đại diện: Ông Lê Văn Long
- + Chức vụ: Giám đốc Ban QLDA.
- + Địa chỉ: thị trấn Yên Cát, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

- *Phạm vi, quy mô, công suất dự án:*

Cải tạo, nâng cấp hồ Ná Hiềng với dung tích hồ ứng với mực nước dâng bình thường 594.790 m³ bao gồm các hạng mục công trình: Xây dựng 02 đập đất với tổng chiều dài 170,97 m; 01 kênh tưới chiều dài 582 m; 01 cống lấy nước và 01 tràn xả lũ.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án trong giai đoạn thi công dự án:

2.1. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Bụi, khí thải phát sinh trong quá trình đào đắp; phương tiện thi công, vận chuyển; rút đổ nguyên vật liệu; san gạt mặt bằng... Thành phần chủ yếu: bụi, SO₂, NO_x, CO,...

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt công nhân phát sinh khoảng 5 m³/ngày (nước thải từ quá trình tắm rửa, giặt giũ, vệ sinh tay chân khoảng 2,5 m³/ngày; nước thải từ quá trình ăn uống khoảng 1,5 m³/ngày; nước thải từ quá trình vệ sinh cá nhân (đại tiện, tiểu tiện) khoảng 1 m³/ngày). Thành phần chủ yếu: chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, Coliform,...

- Nước thải xây dựng, nước thải từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị thi công, rửa lốp bánh xe các phương tiện vận chuyển... phát sinh khoảng 4,0 m³/ngày. Thành phần chủ yếu: chất rắn lơ lửng, dầu mỡ...

- Nước mưa chảy tràn: lượng nước mưa chảy tràn lớn nhất trong khu vực dự án khoảng 57,6 m³/ngày. Thành phần chủ yếu: chất rắn lơ lửng.

2.3. Quy mô tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 50 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa của công nhân, nhựa, giấy, bìa catton, nilong, vỏ chai nhựa, vỏ hộp...

- Chất thải xây dựng gồm đất đào không tận dụng đắp, đất bóc phong hóa, đất phá dỡ đê quai, ... có tổng khối lượng 26.015,6 m³; ngoài ra chất thải rắn phát sinh từ quá trình xây dựng như cát, đất, đá rơi vãi.... Thành phần chủ yếu: cây cối, đất, đá, cát, xi măng, sắt, gỗ,...

2.1.5. Quy mô tính chất của chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn nguy hại phát sinh gồm: giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy, nhựa.... khối lượng khoảng 10,0 kg/tháng.

- Chất thải lỏng nguy hại khoảng 55,3 lít/tháng chủ yếu là dầu máy.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công dự án.

3.1. Về bụi, khí thải:

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động gồm quần áo bảo hộ, mũ, khẩu trang, kính...theo quy định, bố trí thời gian nghỉ ngơi hợp lý cho công nhân.

- Phun nước tạo độ ẩm, giảm nồng độ bụi phát tán trong khu vực thi công và dọc tuyến đường vận chuyển nguyên, nhiên vật liệu bằng xe téc 5m³, phun theo ống đục lỗ nằm ngang phía dưới téc. Tần suất phun nước 04 lần/ngày và tăng số lần phun nước trong điều kiện thời tiết khô hanh tại một số vị trí nhạy cảm gồm: khu dân cư tập trung thôn Thống Nhất, xã Thanh Quân; khu vực Đền Chín Gian và khu dân cư dọc các tuyến đường liên xã, liên thôn xã Thanh Quân...

- Bãi tập kết phải được quét dọn sạch, tạo ẩm (đối với vật liệu có phát sinh bụi) trước khi tập kết vật liệu để hạn chế phát tán bụi từ quá trình bốc xếp, trút đổ.

- Các xe vận tải chuyên chở nguyên vật liệu cho quá trình thi công xây dựng phải có bạt che kín thùng xe, không chuyên chở quá tải trọng xe.

3.2. Về thu gom và xử lý nước thải:

*** Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn gồm:**

- Quét dọn vệ sinh sau mỗi ngày làm việc hạn chế các chất ô nhiễm bị cuốn theo nước mưa làm ô nhiễm nguồn nước.

- Tạo bờ bao quanh khu vực tập kết nguyên vật liệu nhằm hạn chế nước mưa chảy tràn cuốn theo đất, cát, vật liệu xây dựng...

- Tạo các rãnh thoát nước tạm thời tại các vị trí trũng thấp để thoát nước, tránh tình trạng ngập úng. Cuối rãnh thoát nước bố trí hố lắng để lắng và loại bỏ đất, cát, rác thải vương vãi...

*** Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:**

- Đối với nước thải từ quá trình tắm rửa, giặt giũ, vệ sinh tay chân: Thu gom tập trung về hố lắng (thể tích 02 m³) sau đó thoát ra mương thoát nước chung chung của khu vực.

- Nước thải từ quá trình ăn uống được dẫn vào bể tách dầu mỡ (có thể tích 01m³) để loại bỏ chất rắn lơ lửng và dầu mỡ trước khi thải thoát ra mương thoát nước chung của khu vực.

- Nước thải từ quá trình vệ sinh cá nhân (đại tiện, tiểu tiện) được xử lý bằng 01 nhà vệ sinh tự hoại 03 ngăn, dung tích bể 05 m³ đặt tại khu lán trại thi công. Nước sau bể tự hoại dẫn về hệ thống thoát chung của khu vực.

*** Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng**

Nước thải xây dựng được thu gom về 01 hố lắng tạm, thể tích 8,0 m³/hố (2,0m x 2,0m x 2,0 m) được lót vải địa kỹ thuật (HDPE) ở đáy và thành để chống thấm tại khu vực lán trại trước khi thải ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

a) Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn sinh hoạt

Trang bị 02 thùng nhựa composite (dung tích 100 lít/thùng); đặt tại khu vực lán trại công nhân để thu gom CTR phát sinh từ sinh hoạt của công nhân; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý với tần suất 01 ngày/lần.

b) Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn xây dựng

- Xây dựng kế hoạch quản lý và sử dụng vật liệu xây dựng hợp lý; tránh để xảy ra rơi vãi vật liệu khi vận chuyển, tập kết không đúng vị trí quy định làm ảnh hưởng đến hoạt động thi công và môi trường xung quanh.

- Khối lượng đất phong hóa, vật liệu rời... vận chuyển tới khu vực đổ thải của dự án (đã có thỏa thuận với các địa phương). Thực hiện san gạt, đầm nén tránh phát tán ra môi trường xung quanh. Bãi đổ thải tại khu đất trống với diện tích khoảng 8.000 m²; dung tích lớn nhất bãi thải là 30.000 m³.

- Đối với sắt thép thừa, bao bì xi măng... thu gom tập trung về khu vực lán trại công nhân để tái sử dụng hoặc bán lại cho các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn.

3.1.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

Trang bị 02 thùng chứa (dung tích 60 lit và 200 lit) để chứa chất thải lỏng và rắn nguy hại riêng biệt, có dán nhãn mác, nắp đậy theo đúng quy định; lưu trữ tạm tại góc trong khu lán trại; định kỳ 01 lần/quá trình thi công, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý.

3.1.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

- Hạn chế tối đa các máy móc, phương tiện thi công hoạt động đồng thời gây tiếng ồn cộng hưởng.

- Quá trình vận chuyển vật liệu xây dựng và vật liệu đổ thải qua các tuyến đường liên xã, liên thôn, đường quản lý vận hành và gần khu dân cư tập trung thôn Thống Nhất, xã Thanh Quân; khu vực Đền Chín Gian và khu dân cư dọc các tuyến đường liên xã, liên thôn xã Thanh Quân... Yêu cầu đơn vị thi công không vận chuyển vào thời gian cao điểm (17h-18h), ban đêm (22h-5h sáng) để tránh gây ồn ảnh hưởng đến đời sống của nhân dân.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị.

4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

4.1. Giám sát môi trường trong giai đoạn xây dựng

4.1.1. Giám sát chất lượng khí thải

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.
- Chỉ tiêu giám sát: Vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, SO₂, CO, NO₂.
- Vị trí giám sát: giám sát tại 02 vị trí, gồm:
 - + Tại khu vực thi công dự án.
 - + Tại khu vực lân cận trại thi công.
- Quy chuẩn áp dụng:
 - + QCVN 05: 2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.
 - + QCVN 26: 2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.
 - + QCVN 27: 2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.
 - + QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

4.1.2. Giám sát chất lượng nước thải

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.
- Chỉ tiêu giám sát: pH, TSS, BOD₅, COD, Coliform, Dầu mỡ, E. Coli, NO₃⁻.
- Vị trí giám sát: 02 vị trí
 - + Tại hố lắng nước thải xây dựng trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.
 - + Nước thải sau xử lý tại bể tự hoại.
- Quy chuẩn áp dụng:
 - + QCVN 14: 2008/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt.
 - + QCVN 40: 2011/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

4.2. Giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành

- Giám sát quá trình bồi lắng lòng hồ; sạt lở bờ hồ; sụt, lún, hư hỏng các công trình.
- Tần suất thực hiện: 01 năm/lần./.